

Bản án: **14 /2017/ HNGĐ - ST**

Ngày **12 - 9 - 2017**

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân :

1- Ông Nguyễn Ngọc Ngát

2- Ông Bùi Huy Tuân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phụng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2017/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXX- ST, ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh H1 vào ngày không nhớ tháng 4 năm 2012, trước khi cưới hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D. Cưới xong chị về nhà anh H1 ở làm dâu luôn và ở chung cùng gia đình, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 02/2016, do anh H1 hay ăn uống rượu chè cùng bạn bè quá chén, chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H1 không nghe nên vợ chồng cãi chửi nhau nhiều lần và anh H1 cũng đánh chị nhiều lần, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, hiện nay chị đã về bên ngoại ở và đi làm ăn. Anh H1 có đến và điện thoại khuyên bảo chị về nhiều lần nhưng chị xác định không thể về ở chung cùng anh H1 được nữa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã mâu thuẫn trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H1 được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Đoan T, sinh ngày 18/3/2013; cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/3/2015. Hiện nay các cháu vẫn ở cùng bố, nếu vợ chồng ly hôn thì chị để anh H1 nuôi cả 2 cháu, về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 xác nhận một phần lời khai của chị H trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, tại phiên tòa anh trình bày: Anh kết hôn với chị H vào ngày không nhớ tháng 4 năm 2012; trước khi cưới hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D. Cưới xong chị H về nhà anh ở làm dâu luôn và ở chung cùng gia đình, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 5 năm 2017, do anh nhiều khi có cùng bạn bè uống rượu quá chén thì chị H vợ anh có nói nên vợ chồng có cãi chửi nhau một vài lần, anh có đánh chị H một lần; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, chị H về bên ngoại ở và đi làm ăn.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị H xin ly hôn anh không đồng ý, anh muốn vợ chồng về sống đoàn tụ gia đình để nuôi con chung.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Đoan T, sinh ngày 18/3/2013; cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/3/2015. Hiện nay các cháu vẫn ở cùng bố, nếu vợ chồng ly hôn thì anh xin nuôi cả 2 cháu, về cấp dưỡng anh không có yêu cầu.

Về tài sản, công nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H1 được ly hôn theo quy định của pháp luật, còn anh H1 không đồng ý ly hôn.

* Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 58; 81; 82; 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 được ly hôn nhau.

Về con chung: giao cho anh Nguyễn Văn H1 nuôi 2 con là Nguyễn Thị Doan T, sinh ngày 18/3/2013 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/3/2015; về cấp dưỡng anh H1 không có yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H thuộc hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Nguyễn Văn H1 vào tháng 4 năm 2012 trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện S số 16, ngày 07/5/2012; cưới xong chị H về ở cùng gia đình anh H1 luôn, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau thì mâu thuẫn xảy ra bắt đầu từ đầu năm 2016, do anh H1 có hay uống rượu và uống quá chén, chị H khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H1 không nghe nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đánh nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, chị H đã về bên ngoại ở; quá trình ly thân anh H1 có đến khuyên bảo chị H về đoàn tụ nhiều lần nhưng chị H không về. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị và anh H1 được ly hôn nhau, còn anh H1 muốn vợ chồng về đoàn tụ gia đình và không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã kéo dài trầm trọng, quá trình sống ly thân kéo dài hai bên không đoàn tụ được và anh H1 nhiều lần đến đón chị H về chung sống nhưng chị H không về chung sống nữa; chị H và anh H1 đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm chăm sóc đến nhau và cùng nhau chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn anh H1 theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H, anh H1 có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Doan T, sinh ngày 18/3/2013 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/3/2015. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh H1; nếu ly hôn chị H, anh H1 nhất trí để anh H1

nuôi cả 2 con. Xét thấy thỏa thuận giữa anh H1 và chị H là hợp lý nên cần giao cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng 2 cháu Nguyễn Thị Đoan T và cháu Nguyễn Trung K; anh H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng.

[3] Về tài sản: Anh H1, chị H không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản; vì thế Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; nhưng chị H thuộc hộ cận nghèo, căn cứ theo quy định của pháp luật nên chị H được miễn toàn bộ án phí dân sự ly hôn.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; 58; 81; 82 và 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H1 nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Đoan T, sinh ngày 18/3/2013 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/3/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con anh H1 không có yêu cầu.

Chị H có quyền thăm con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này của chị H.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã D;
- Lưu .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn

